

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU KÈ
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2018/DS-ST
Ngày: 19-3-2018
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ - TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Quốc T;

2. Ông Thạch Quone.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiền là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Thạch Tha - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐST-DS, ngày 26 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Mỹ D, sinh năm 1978.

Địa chỉ: ấp TQ I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:*

1. Bà Lê Thị P, sinh năm 1972;

2. Ông Lê Văn T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: ấp TQ I, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2017 (BL 02) và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Trần Thị Mỹ D trình bày: Bà có cho bà P vay tiền nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 21/12/2016 (âm lịch) cho bà P vay 90.000.000 đồng. Ngày 27/02/2017 (âm lịch) cho bà P vay 40.000.000 đồng. Ngày 27/3/2017 (âm lịch) cho bà P vay 100.000.000 đồng. Ngày 06/5/2017 (âm lịch)

cho bà P vay 40.000.000 đồng. Ngày 25/5/2017 (âm lịch) cho bà P vay 50.000.000 đồng. Ngày 07/6/2017 (âm lịch) cho bà P vay 40.000.000 đồng. Tổng cộng, bà cho bà P vay số tiền là 360.000.000 đồng. Tất cả các lần vay bà đều giao tiền cho bà P nhận, sau khi cho bà P vay lần sau cùng vào ngày 07 tháng 6 năm 2017 (âm lịch) thì bà có viết một biên nhận tổng hợp tất cả các lần vay cho bà P có đọc và trực tiếp ký tên. Trong biên nhận không có ghi thỏa thuận lãi suất nhưng bà và bà P có thỏa thuận lãi suất vay bằng miệng là 5%/tháng, từ khi vay đến nay bà không có thu tiền lãi của bà P.

Tất cả các lần hỏi vay bà P có hẹn 3 đến 4 tháng trả nhưng đến nay bà P chưa trả cho bà được khoản tiền nào cả. Việc bà P hỏi vay tiền của bà là nhằm mục đích phục vụ sinh hoạt chung cho gia đình bà P. Do đó, bà yêu cầu vợ chồng bà Lê Thị P và ông Lê Văn T cùng có trách nhiệm trả cho bà số tiền là 360.000.000 đồng, bà không yêu cầu tính lãi.

Bà Lê Thị P là bị đơn trình bày: Bà thừa nhận lời trình bày của bà D là hoàn toàn đúng. Bà có vay tiền của bà D nhiều lần cụ thể như sau: Ngày 21/12/2016 (âm lịch) vay 90.000.000 đồng. Ngày 27/02/2017 (âm lịch) vay 40.000.000 đồng. Ngày 27/3/2017 (âm lịch) vay 100.000.000 đồng. Ngày 06/5/2017 (âm lịch) vay 40.000.000 đồng. Ngày 25/5/2017 (âm lịch) vay 50.000.000 đồng. Ngày 07/6/2017 (âm lịch) vay 40.000.000 đồng. Tổng cộng, bà vay của bà D số tiền là 360.000.000 đồng. Tất cả các lần vay bà D đều đưa tiền cho bà trực tiếp nhận, bà có ký biên nhận và có thỏa thuận về lãi như bà D đã trình bày nêu trên.

Khi bà hỏi vay tiền của bà D bà không có cho chồng bà hay, mục đích vay tiền của bà D là bù tiền hụi chết do bà làm đầu thảo hụi mà có hụi viên không góp hụi chết và trả nợ cho những người chủ nợ mà bà đã thiếu trước đó. Do bà tự hỏi vay tiền của bà D nhưng không cho chồng bà biết nên số nợ này không có liên quan đến chồng bà là ông T. Nay bà D khởi kiện thì bà đồng ý trả cho bà D số tiền là 360.000.000 đồng.

Ông Lê Văn T là bị đơn trình bày: Ông là chồng của bà P, việc bà D cho vợ ông là bà P vay 360.000.000 đồng lúc nào ông không biết nên ông không đồng ý cùng bà P trả cho bà D số tiền là 360.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến mùa thu hoạch trái cây có tiền thì ông cũng phụ bà P trả nợ cho bà D.

Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh cho rằng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán tiến hành đầy đủ các giai đoạn tố tụng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ D, buộc ông Lê Văn T và bà Lê Thị P phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà D số tiền là 360.000.000 đồng. Đề nghị không xem xét phân lãi suất do bà Trần Thị Mỹ D không yêu cầu. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lê Văn T và bà Lê Thị P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét thấy đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại các Điều 26, 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét thấy bà D có cho bà P vay tiền nhiều lần với tổng số tiền là 360.000.000 đồng là có thật, được chứng minh bằng biên nhận vay tiền do bà D viết cho bà P đọc và ký tên (BL 23). Tại Biên bản lấy lời khai đương sự; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay bà P đều thừa nhận bà có vay tiền nhiều lần của bà D với tổng số tiền là 360.000.000 đồng. Nay bà P đồng ý trả số tiền này cho bà D.

Xét yêu cầu của bà D là yêu cầu ông T phải có trách nhiệm cùng vợ ông là bà P trả số tiền nợ vay như đã nêu trên cho bà; bà P thì cho rằng việc vay tiền này chồng bà là ông T hoàn toàn không biết; ông T cũng có ý kiến trình bày là ông hoàn toàn không biết việc bà D cho bà P vay tiền như trên nên ông không đồng ý theo yêu cầu của bà D. Vấn đề này thấy rằng: Mục đích bà P vay tiền của bà D là do bà P làm đầu thảo nhiều dây hui để kiếm lời nên có nhiều hui viên hót hui nhưng không đóng hui chết, bà không có tiền để choàng hui nên bà mới hỏi vay tiền của nhiều người trong đó có bà D để choàng hui (BL 29). Do đó, mục đích vay tiền của bà P dùng vào việc kiếm thu nhập đáp ứng cho nhu cầu sinh hoạt chung của gia đình. Cả bà P và ông T đều có lời khai ông bà là vợ chồng chung sống xuyên suốt đến nay là 26 năm, không có thời gian ly thân, không có thỏa thuận làm kinh tế riêng hay thỏa thuận tài sản riêng gì. Trong quá trình chung sống thì mọi việc chi tiêu lớn nhỏ trong gia đình đều có sự bàn bạc thống nhất giữa vợ chồng, tổng số tiền bà P vay của bà D là lớn, bà D giao cho bà P nhiều lần nên việc bà P và ông T cho rằng bà P vay tiền của bà D mà ông T không biết là không có căn cứ.

Tại Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch do một bên thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 30...*”, tại khoản 1 Điều 30 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ thực hiện giao dịch nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình*”. Do đó, xác định ông Lê Văn T và bà Lê Thị P cùng có nghĩa vụ liên đới trả số tiền vay còn thiếu là 360.000.000 đồng cho bà Trần Thị Mỹ D là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về lãi suất: Do bà Trần Thị Mỹ D không yêu cầu nên không xem xét.

[4] Về án phí: Do ông Lê Văn T và bà Lê Thị P là thân nhân Liệt sĩ được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận gia đình Liệt sĩ nên được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những phân tích nêu trên xét thấy quan điểm của vị Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 và Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27, Điều 30, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Mỹ D.

2. Buộc bà Lê Thị P và ông Lê Văn T có trách nhiệm trả cho bà Trần Thị Mỹ D số tiền vay là 360.000.000 đồng (*ba trăm sáu mươi triệu đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về lãi suất: Bà Trần Thị Mỹ D không yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Lê Thị P và ông Lê Văn T được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Trần Thị Mỹ D không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà Trần Thị Mỹ D được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 9.000.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0013325 ngày 04 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

5. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- Chi cục THADS huyện Cầu Kè;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mỹ Ai

